

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ 1

Môn: Ngữ văn 6

Năm học: 2022 - 2023

I. Nội dung ôn tập (Từ tuần 1 đến tuần 16)

A. Văn bản

Thể loại	Tên văn bản	Tác giả
1. Truyền thuyết	Thánh Gióng	Tác giả dân gian (nhân dân)
	Sự tích hồ Gươm	
	Bánh chưng bánh giày	
2. Cổ tích	Sọ Dừa	
	Em bé thông minh	
	NolBu – HengBu	
3. Thơ lục bát	Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương (Ca dao)	
	Việt Nam quê hương ta	Nguyễn Đình Thi
4. Truyện đồng thoại	Bài học đường đời đầu tiên	Tô Hoài
	Giọt sương đêm	Trần Đức Tiến
5. Hồi kí	Lao xao ngày hè	Duy Khán
	Thương nhớ bầy ong	Huy Cận

B. Tiếng Việt

1. Từ đơn và từ phức (từ ghép, từ láy).

a. Từ đơn là từ gồm có một tiếng. Ví dụ: *ăn, đi, ngòi, hoa, lá, mây,...*

b. Từ phức là từ gồm có hai tiếng trở lên. Ví dụ: *học sinh, giáo viên, thư viện, bàn ghế, vui vẻ,...*

- Từ ghép: *học sinh, giáo viên, thư viện, bàn ghế, học hành*

- Từ láy: *vui vẻ, thanh thản, véo von*
Nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.

Thành ngữ là một tập hợp từ cố định, quen dùng. Nghĩa của thành ngữ thường có tính hình tượng và biểu cảm.

Ví dụ:

a) *Mẹ tròn con vuông*: lời chúc an toàn dành cho mẹ và con khi sinh con.

b) *Tay bắt mắt mừng*: sự vồn vã, phấn khởi lộ ra bên ngoài của những người gặp nhau.

c) *Được voi đòi tiên*: Sự đòi hỏi của con người, đã có thứ tốt lại còn đòi hỏi thứ cao sang hơn.

2. Đặc điểm và chứng năng liên kết câu của trạng ngữ.

a) Khái niệm: Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, giúp xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích,... của sự việc nêu trong câu.

b) Phân loại trạng ngữ:

b) Trạng ngữ chỉ thời gian: ngày mai, hôm qua, hôm kia, ngày xưa ngày xưa,...

c) Trạng ngữ chỉ nơi chốn: ở nhà, trên cây, ngoài đồng,...

d) Trạng ngữ chỉ nguyên nhân:

Bởi vì trời mưa quá to, đường xá đã bị ngập đầy nước.

e) Trạng ngữ chỉ mục đích:

Để tìm được người tài giỏi giúp ích cho đất nước, nhà vua đã đưa ra nhiều thử thách cho dân làng.

3. Lựa chọn từ ngữ phù hợp với việc thể hiện ý nghĩa của văn bản.

a) Cách lựa chọn từ ngữ thích hợp khi nói hoặc viết:

- Xác định nội dung cần diễn đạt.
- Huy động các từ ngữ đồng nghĩa, trái nghĩa → lựa chọn từ ngữ phù hợp.
- Chú ý khả năng kết hợp của từ ngữ đó với từ ngữ trước và sau đó.

b) Tác dụng

Giúp diễn đạt chính xác, hiệu quả điều mà người nói (viết) muốn thể hiện.

4. Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.

a) Cụm từ có hai từ trở lên kết hợp với nhau nhưng chưa tạo thành câu, trong đó có một từ (danh từ/ động từ/ tính từ) đóng vai trò là thành phần trung tâm.

- Cụm danh từ có danh từ làm thành phần chính: hai học sinh chăm chỉ.

- Cụm động từ có động từ làm thành phần chính: đi học đúng giờ.

- Cụm tính từ có tính từ làm thành phần chính: rất xinh đẹp.

b) Cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ

- Biến chủ ngữ hoặc vị ngữ của câu thành cụm từ.

Ví dụ: Gà gáy. → Con gà trống tía của nhà tôi gáy rất to.

- Biến chủ ngữ hoặc vị ngữ của câu từ cụm từ có thông tin đơn giản thành cụm từ có thông tin cụ thể, chi tiết hơn.

Ví dụ: Chim sơn ca đang hát. → Những chú chim sơn ca xinh xắn đang hát véo von trên cành.

- Có thể mở rộng chủ ngữ hoặc vị ngữ, hoặc mở rộng cả chủ ngữ lẫn vị ngữ của câu.

Ví dụ: Hoa nở. → Những bông hoa cúc nở vàng rực cả khu vườn.

5. Ẩn dụ, hoán dụ

a) Ẩn dụ

Ẩn dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Ví dụ:

“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ”

(Viếng lăng Bác - Viễn Phương)

→ Từ “mặt trời” thứ hai ẩn dụ cho Bác Hồ, hình ảnh ẩn dụ này dựa trên sự giống nhau về phẩm chất: sự chiếu sáng lên vạn vật cũng giống như Bác Hồ lựa chọn ra đi tìm đường cứu nước đã khơi lên nguồn sáng cho tương lai dân tộc Việt Nam.

b) Hoán dụ

Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Ví dụ:

“Bàn tay ta làm nên tất cả
Có sức người sỏi đá cũng thành cơm”

→ Lấy cái bộ phận (bàn tay) để chỉ cái toàn thể (con người).

C. Tập làm văn

Đề bài: Kể về một truyện truyền thuyết hoặc truyện cổ tích bằng lời văn của em.

1. Yêu cầu: Bài làm đáp ứng được 2 phần

- Hình thức:

- + Không làm lạc đề.
- + Đảm bảo cấu trúc của một bài tập làm văn, 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.
- + Sử dụng ngôi kể thứ ba.

- Nội dung:

• Mở bài:

- Giới thiệu tên truyện.
- Lí do muốn kể lại truyện.

• Thân bài:

- Giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện.

- Trình bày chi tiết các sự việc xảy ra.
- Kể theo trình tự thời gian (Sự việc 1, sự việc 2, sự việc 3, ..., kết thúc).
- **Kết bài:**
 - Cảm nghĩ về truyện.
 - Liên hệ bản thân.

II. Cấu trúc đề kiểm tra cuối kì 1:

Phần 1: Đọc hiểu (6,0 điểm)

Cho đoạn ngữ liệu ngoài Sách giáo khoa, học sinh đoạn và trả lời:

- 8 câu trắc nghiệm (mỗi câu 0,5 điểm)
- 2 câu tự luận (mỗi câu 1,0 điểm)

Phần 2: Viết (4,0 điểm)

Viết bài tập làm văn: Kể lại một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích bằng lời văn của em.

CHÚC CÁC EM LÀM BÀI KIỂM TRA ĐẠT KẾT QUẢ TỐT!